TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI** Bản án số: 59/2019/DS-ST Ngày 26 - 9 - 2019 *V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Lê Bửu Thiện;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Hiệp.

2. Bà Nguyễn Thị Nhạn.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 125/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2018, về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 13B/72 khu phố 11, phường H, thành phố B, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Bà Đinh Thị Ngọc T, sinh năm 1953.

Địa chỉ: A26B, tổ 7, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Hoa là Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Thị Kim Hoa thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

(Bà Bông, bà Thành, bà Hoa có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 02 năm 2018, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 13 tháng 4 năm 2009, bà Lê Thị B và bà Đinh Thị Ngọc T có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 15, tờ bản đồ số 25, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Hợp đồng được công chứng tại Phòng công

chứng số 4, tỉnh Đồng Nai, với nội dung bà T sẽ chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho bà B với giá 1.500.000.000đồng. Sau đó, bà T đã khởi kiện bà B tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng nêu trên, vì bà T cho rằng thực chất số tiền nêu trên là số tiền bà B cho bà T vay với lãi suất 5%/tháng.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, Tòa án hai cấp xét xử đã hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa bà B và bà T, với lý do đây thực chất là hợp đồng vay tài sản, bà T cũng đã thừa nhận và đồng ý hoàn trả cho tôi số tiền nợ gốc cùng tiền lãi đến thời điểm hiện nay.

Nay, bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Đinh Thị Ngọc T phải thanh toán số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi suất tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) từ ngày 13 tháng 4 năm 2009 cho đến ngày 26 tháng 9 năm 2019 là 3.150.000.000 đồng. Tổng cộng 4.650.000.000đ.

**** Bị đơn – bà Đinh Thị Ngọc T trình bày:***

Ngày 13 tháng 4 năm 2009, bà Đinh Thị Ngọc T có vay của bà Lê Thị B số tiền 1.500.000.000 đồng. Tại thời điểm vay tiền, bà B hứa bảo đảm vay ngân hàng cho bà T là 3.000.000.000 đồng, tiền dịch vụ là 14% và giải ngân nóng trước số tiền 1.500.000.000 đồng. Bà B hứa với bà T trong thời hạn một tháng, Ngân hàng sẽ giải ngân và cho bà T vay số tiền 3.000.000.000 đồng, bà T sẽ trả lại tiền nóng cho bà B 1.500.000.000 đồng. Bà B đã nhận đủ số tiền hoa hồng và lãi suất đầu tiên tại nhà bà B.

Quá trình thực hiện, để đảm bảo cho khoản vay, bà B và bà T đã ra Phòng công chứng làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà B, để bà B lo việc vay Ngân hàng. Trong thời gian chờ bà B làm thủ tục vay Ngân hàng, bà B tính lãi cho bà T tháng đầu tiên là 5%/tháng, cụ thể:

- Tiền hoa hồng 14%: 210.000.000 đồng.
- Tiền lãi tháng đầu 5%: 75.000.000 đồng.
- Bà Bông cố tình kéo dài thời gian làm thủ tục vay ngân hàng và lấy thêm tiền hoa hồng tiếp theo là 50.000.000 đồng, nhưng vẫn không vay được tiền của Ngân hàng, bà Bông ép bà Thành phải đóng lãi suất 5%/tháng cho bà Bông đến tháng 11 năm 2009; tổng cộng là 400.000.000 đồng. Do vậy, tính từ ngày 13 tháng 4 năm 2009 đến tháng 11 năm 2009, bà T đã trả cho bà B tổng cộng là 735.000.000 đồng.

Nay, bà B khởi kiện yêu cầu bà T phải trả cho bà B số tiền nợ là 1.500.000.000 đồng, bà T đồng ý. Đối với yêu cầu bà T phải trả cho bà B tiền lãi suất tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) từ ngày 13 tháng 4 năm 2009 cho đến ngày 26 tháng 9 năm 2019 là 3.150.000.000 đồng. Tổng cộng 4.650.000.000đ, bà T không đồng ý vì lý do thời hiệu về việc tính lãi suất (02 năm từ 13/4/2009 đến 13/4/2011) đã hết.

** Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa*:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật;

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc bà Đinh Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị B số tiền 1.500.000.000 đồng, bác yêu cầu tiền lãi suất tính theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự (20%/năm), chỉ chấp nhận việc tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình Tòa án đưa vụ án ra xét xử, bị đơn bà Đinh Thị Ngọc T có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu đối với thời hiệu khởi kiện về hợp đồng vay tài sản của bà Lê Thị B và cho rằng thời hiệu khởi kiện đã hết, nên bà B mất quyền khởi kiện về lãi suất. Do đó, Tòa án áp dụng quy định các Điều 149, khoản 3 Điều 150 của Bộ luật Dân sự; Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự để xem xét giải quyết; Do vậy, quan hệ tranh chấp được xác định là "Đòi lại tài sản".

[2]. Về nội dung vụ án:

Bà Lê Thị B khởi kiện yêu cầu bà Đinh Thị Ngọc T phải thanh toán số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi suất tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) từ ngày 13 tháng 4 năm 2009 cho đến ngày 26 tháng 9 năm 2019 là 3.150.000.000 đồng. Tổng cộng 4.650.000.000đ;

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà Lê Thị B đã cung cấp cho Tòa án bản án số 72/2017/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa; bản án số 25/2018/DS-PT ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Đinh Thị Ngọc T và bà Lê Thị B; các tài liệu, chứng cứ này thể hiện bà Lê Thị B có đưa cho bà Đinh Thị Ngọc T số tiền là 1.500.000.000 đồng;

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà T đồng ý thanh toán cho bà B số tiền 1.500.000.000 đồng, nhưng không đồng ý việc tính lãi suất, vì thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng vay tài sản đã hết;

Do vậy, cần buộc bà T trả cho bà B số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Bông, về yêu cầu tiền lãi suất tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) từ ngày 13 tháng 4 năm 2009 cho đến ngày 26 tháng 9 năm 2019 là 3.150.000.000 đồng; là không có cơ sở chấp nhận;

Bởi lẽ, trong quá trình giải quyết tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Đinh Thị Ngọc T và bà Lê Thị B tại Tòa án hai cấp đối với hai bản án nêu trên, đã xác định sự vi phạm trình tự thủ tục, ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, vừa thể hiện sự che giấu cho việc đảm bảo công nợ của hợp đồng vay giữa bà T và bà B; do vậy, bản án đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Ngoài ra, bà B không thừa nhận hợp đồng vay tài sản giữa bà B và bà T, không yêu cầu bà T trả tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định từ ngày 13 tháng 4 năm 2009 cho đến khi Tòa án hai cấp xét xử xong, mặc dù lúc này bà Thành đồng ý trả số tiền nợ trên; thời điểm phát sinh tranh chấp về hợp đồng vay tiền giữa bà B và bà T là từ ngày 13 tháng 4 năm 2009 cho đến ngày bà B đi khởi kiện là ngày 12 tháng 02 năm 2018; là hết thời hiệu khởi kiện về Hợp đồng vay tài sản và yêu cầu tính lãi suất theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

[3]. Về án phí, do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là bà T phải chịu 57.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn là bà B phải chịu án án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận là 95.000.000 đồng.

[4]. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Xin Hội đồng xét xử xem xét bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi suất đối với bị đơn, vì thời hiệu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đã hết; là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên Tòa có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận phần phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, khoản 2, 3 Điều 68; khoản 1 điều 91, khoản 1 Điều 95, Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 149, khoản 3 Điều 150, Điều 357, Điều 429, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B.

Buộc bà Đinh Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị B số tiền nợ còn thiếu là 1.500.000.000 đồng.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B về yêu cầu bà Đinh Thị Ngọc T có trách nhiệm trả số tiền lãi suất là 3.150.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền nêu trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[2]. Về án phí, bà Đinh Thị Ngọc T phải nộp 57.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị B phải nộp 95.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.100.000 đồng theo biên lai thu số 007024 ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chi Cục thi hành án dân sự Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Bà B còn phải nộp thêm số tiền 38.900.000 đồng.

[3]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhạn **Nguyễn Hoàng Hiệp** **Dương Lê Bửu Thiện**